

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 11/03/2025

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trường Xuân**

2. Bà **Nguyễn Hồng Phụng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Hoàng Bửu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 11 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét_xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 262/2024/TLST-DS ngày 11/11/2024 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST- DS ngày 21/02/2025** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lâm Thị T**, sinh năm 1981(có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Ngô Thị N** sinh năm (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 07 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lâm Thị T trình bày: Xuất phát từ việc chơi hụi với nhau vào ngày 20/02/2021, bà Ngô Thị N là chủ hụi khi giao hụi bà N còn nợ tiền của bà Lâm Thị T là 15.000.000 đồng, sau đó tiếp tục trả cho bà T 2.000.000 đồng và hứa trả dần cho bà tho mỗi tháng là 500.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2023. Bà Lâm Thị T thực hiện được đến tháng 11/2023 thì bà Lâm Thị T không trả tiếp số tiền còn nợ cho bà nơi còn nợ lại 10.500.000 đồng, bà T nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền còn nợ nêu trên nhưng bà

Ngô Thị N chưa thực hiện mà cố tình kéo dài thời gian không thanh toán số tiền còn nợ mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Ngô Thị N phải thanh toán nên bà T yêu cầu Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên giải quyết buộc bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 10.500.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ bà Lâm Thị T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là Tờ giấy A4 được viết tay dòng đầu tiên có nội dung “Hội khai ngày 20/02/2021”.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ngô Thị N trình bày: Thừa nhận xuất phát từ việc chơi hội vào ngày 20/02/2021, bà N là chủ hội còn bà Lâm Thị T là hội viên. Sau khi bà T hốt hội thì bà N còn nợ lại bà T là 15.000.000 đồng. Sau đó có trả dần 02 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng và sau đó trả mỗi tháng là 500.000 đồng, trả được 5 tháng với số tiền là 2.500.000 đồng thì đến không còn khả năng trả nữa. Đến nay thì bà N còn thiếu bà Lâm Thị T tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ từ việc chơi hội 10.500.000 đồng cho bà nơi thì bà N không có khả năng thanh toán. Do hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn nên chưa trả được số tiền còn nợ cho bà T theo thoả thuận. Bà N yêu cầu bà T cho bà được trả số tiền còn nợ mỗi tháng là 500.000 đồng, cho đến khi hết số nợ trên.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, triệu tập họp lệ các để tham gia hoà giải nhưng không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nguyên đơn bị đơn đều thông nhất với nhau về số tiền mà bị đơn còn nợ từ việc chơi hội với nhau nhưng các bên không thống nhất được thời gia thanh toán và hình thức thanh toán. Do đó, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong khi thụ lý giải quyết vụ án toà án đã xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng góp hội. Tuy nhiên trong quá trình vụ án nguyên đơn và bị đơn đã xác định xuất phát từ việc chơi hội với nhau khi đây hội đã miễn các đương sự có giao nhận tiền góp hội cho nhau nhưng còn nợ lại số tiền góp hội chưa thanh toán nên bà Lâm Thị T, yêu cầu bà Ngô Thị N phải thanh toán số tiền còn nợ là 10.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên là tranh chấp đòi tài sản, được điều chỉnh tại Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

htuyện Mỹ Xuyên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết, bị đơn Ngô Thị N đã được toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Lâm Thị T buộc bị đơn Ngô Thị N phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ hui là 10.500.000 đồng thấy rằng: Mặc dù xuất phát từ việc chơi hui nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất dây hui đã miễn các đượng sự có giao nhận tiền góp hui cho nhau nhưng còn nợ là 10.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ngô Thị N thừa nhận còn nợ nguyên đơn Lâm Thị T số tiền hui là 10.500.000 đồng chưa thanh toán. Đối với tình tiết sự kiện này, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Ngô Thị N không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự khẳng định có việc còn nợ tiền giữa nguyên đơn Lâm Thị T với bị Ngô Thị N thực tế xảy ra đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Vì vậy, hội đồng xét xử khẳng định bị đơn Ngô Thị N còn nợ nguyên đơn Lâm Thị T số tiền hui là 10.500.000 đồng chưa thanh toán.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là bị đơn Ngô Thị N đã vi nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, theo giao kết, vì bị đơn Ngô Thị N là người có lỗi nên phải chịu hậu quả pháp lý về hành vi vi phạm của mình.

Từ những phân tích nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Thị T đối với bị đơn Ngô Thị N là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị đơn Ngô Thị N phải có nghĩa vụ trả cho cho nguyên đơn Lâm Thị T khoản tiền còn nợ là 10.500.000 đồng.

Xét lời trình bày của bị đơn Ngô Thị N về hoàn cảnh khó khăn nên không có tiền trả cho nguyên đơn mà yêu cầu được trả số tiền còn nợ mỗi tháng là 500.000 đồng là không có căn cứ. Bởi bị đơn bị đơn Ngô Thị N có nợ tiền của nguyên đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ngô Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại

khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo đó, bị đơn Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 10.500.000 đồng x 5% = 525.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144; Điều 146, Điều 147; **điểm b Khoản 2 Điều 227**; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Các Điều 166 của Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các điểm b, d tiểu mục 1.3 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T về việc đòi lại tài sản đối với bị đơn Ngô Thị N.

Buộc bà Ngô Thị N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lâm Thị T số tiền còn nợ là 10.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngô Thị N phải có nghĩa vụ nộp 525.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Lâm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008265 ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn